

NGÔN NGỮ, VĂN ĐIỀU THƠ ĐỨC DŨNG

Nhà báo, ThS. Đào Nguyên Lan

Tập thơ “Trăng còn một nửa” gồm 78 bài thơ, được sắp xếp theo trình tự thời gian, từ năm 1978 đến nay (2025). Đây là những tác phẩm thơ chọn lọc từ những sáng tác của Đức Dũng qua 47 năm. 47 năm dài gần như cả một đời người...

Tuy nhiên, tôi sẽ không bàn đến chuyện của 47 năm, chuyện của cả một đời người. Tôi chỉ muốn tiếp cận từ góc độ ngôn ngữ, văn điệu của tập thơ này. Một tập thơ mà theo đánh giá của riêng tôi, có nhiều sáng tạo độc đáo; có sự trau chuốt, vận dụng ngôn ngữ thành công để tạo ra được những hình tượng thơ có thể đem lại cho người đọc những ấn tượng thâm mỹ và cảm xúc mạnh mẽ.

Tôi có cái may mắn được quen biết Đức Dũng từ những nhiều năm về trước, khi chúng tôi cùng là sinh viên theo học Khoa Ngữ-Văn, Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp, tuy mỗi người mỗi ngả nhưng chúng tôi vẫn giữ được mối liên hệ thường xuyên cho đến tận bây giờ.

Tôi còn nhớ, từ khi còn là sinh viên đại học, Đức Dũng đã khá nổi tiếng với một giọng hát hay (nhất là khi anh ca vọng cổ) cùng với năng khiếu sáng tác thơ văn. Sau này, trong những năm tháng đi làm báo, đi học đại học Báo chí rồi trở thành giảng viên của Khoa Báo chí, Trường Tuyên huấn Trung ương I, Hà Nội (nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền), anh đã viết rất nhiều với đủ các thể loại báo chí và văn chương như: bút ký, phóng sự, tiểu phẩm châm biếm, truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết, thơ, kịch, câu chuyện truyền thanh... Nhớ lại những năm tháng ấy, giải thích về việc viết nhiều (đến nay, Đức Dũng đã được hàng chục nhà xuất bản trong cả nước ấn hành hơn 40 cuốn sách), anh thường ví von đó là những năm tháng “viết như trăng

trời”. Nghĩa là viết đến cùng kiệt, viết như thể ngày mai có thể mình sẽ không còn có mặt trên cõi đời này nữa, nên còn có tác phẩm gì trong đầu thì phải phải đưa hết lên trang giấy. Còn tôi thì biết rằng Đức Dũng viết để kiếm sống, để nuôi con và nuôi cái gia đình nhỏ bé của mình. Đã có lần anh nói với tôi: người ta dùng nhiều cách, nhiều thủ đoạn, mảnh mung để kiếm sống, còn mình thì chả biết cách nào nên trong đầu có chữ nào thì vắt ra để mà sống thôi.

Sau này, khi đã trở thành giảng viên của Trường Tuyên huấn Trung ương I, cùng với việc phân đấu vươn lên để trở thành một trong những giảng viên đầu ngành về lý luận báo chí ở Việt Nam, Đức Dũng vẫn tiếp tục “viết như trắng trời”, mặc dù cuộc sống khi ấy đã đỡ vất vả hơn trước nhiều. Qua một phần tư thế kỷ giảng dạy và nghiên cứu lý luận báo chí, cùng với việc viết thơ văn, viết báo, Đức Dũng tiếp tục cho ra đời hàng chục cuốn sách, từ chuyên luận, giáo trình cho đến sách tham khảo, sách hướng dẫn thực hành cho nhiều thế hệ sinh viên, học viên ngành Báo chí và những người viết báo. Trong đó, một số cuốn sách của anh đã trở thành tài liệu gối đầu giường cho những người làm báo, sau khi xuất bản đã tái bản thêm nhiều lần để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc như các cuốn “Viết báo như thế nào?” (tái bản sáu lần); “Các thể ký báo chí” (tái bản năm lần) v.v.

Sở dĩ tôi phải mở đầu một cách cụ thể như thế vì tôi biết khá rõ về các tác phẩm báo chí, văn chương và nghiên cứu lý luận của Đức Dũng. Chính vì thế, tôi đã thực sự ngạc nhiên khi đọc bản thảo tập thơ “Trăng còn một nửa” của anh. Ở đây, tôi bị bất ngờ vì gặp cách sử dụng ngôn từ, vần điệu với một phong cách khác so với ngôn ngữ trong các tác phẩm đã được xuất bản trước đây của Đức Dũng. Đó là ngôn ngữ xuất phát từ nỗi buồn, với những hình tượng phong phú, tiêu biểu như: trăng (mà bao giờ cũng là trăng khuyết), biển, sóng, mùa Thu, hình bóng của những người con gái đã đi qua cuộc đời anh và tâm trạng cô đơn của tác giả trong hầu hết những bài thơ của tập thơ này, đúng như nhà thơ Hải Đường đã khái quát rất đầy đủ là: **“Mùa Thu, trăng, em và nỗi cô đơn”**.

Còn nhớ, về chữ nghĩa của thơ, trước đây nhà thơ đã Lê Đạt đã từng nói: “Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang, sức gọi cảm của chữ trong tương quan

hữu cơ với câu thơ, bài thơ” (Lê Đạt - Đối thoại với đời và thơ”, NXB Trẻ, 20112, tr. 6). Cũng nói về thơ và ngôn ngữ thơ, trong bài viết “Thơ là gì?” (Tạp chí Văn học, Hà Nội, 1991) Giáo sư Phan Ngọc đã định nghĩa về thơ như sau: “Thơ là cách tổ chức ngôn ngữ một cách hết sức quái đản để bắt người tiếp nhận phải nhớ, phải cảm xúc và suy nghĩ do chính hình thức tổ chức ngôn ngữ này”.

Những nhận xét của nhà thơ Lê Đạt và Giáo sư Phan Ngọc nêu trên đều quan tâm trước hết đến ngôn ngữ của thơ. Quả là trong thơ, ngôn ngữ không chỉ là một yếu tố hình thức mà sự khác biệt, khác thường của nó có thể tạo ra được những nghĩa mới, mặc dù ý nghĩa ấy đôi khi người đọc chỉ có thể cảm nhận chứ khó có thể cắt nghĩa, lý giải rạch ròi.

Gần đây, trong một cuốn sách nghiên cứu, lý luận về thơ có tiêu đề “Thơ như tôi hiểu” của tác giả Lê Xuân Lâm (NXB Văn học, 2024), tác giả cũng cho rằng “bài thơ là “Bức tranh ngôn ngữ” và “*Bức tranh ngôn ngữ*” của thi phẩm, có khi còn sâu sắc hơn, đúng đắn hơn và đầy đủ hơn chính tác giả của bức tranh ấy” (tr.252, 253).

Nếu xuất phát từ những ý kiến đã nêu trên, có thể thấy “bức tranh ngôn ngữ” thơ Đức Dũng đã thực sự thể hiện được sự khác thường. Ngay trong những bài ở phần đầu tập thơ như bài “Chiều biển cũ”, ta đã thấy cách sử dụng ngôn từ rất khác biệt của tác giả:

*Để bây giờ anh thức với dòng sông
Tìm kỷ niệm từ miền thơ đại ấy
Em đã xa rồi, ngày xưa không trở lại
Trang thơ buồn bạc phếch mùa Đông!
(Thức với mùa Đông)*

Trang thơ “bạc phếch” hay mùa Đông bạc “phếch” trong những trăn trở, thao thức của tác giả? Cách sử dụng ngôn từ nhiều nghĩa đan chéo, hòa trộn, lồng vào nhau như thế rất hay thấy trong tập thơ này.

Một ví dụ khác:

*Sương giăng trắng mắt buồn nơi bến đợi
Con sóng còn phấp phồng những chờ mong.
(Thương nhớ về đâu)*

“Sương giăng trắng mắt buồn nơi bến đợi” là một câu thơ hay, giàu âm điệu với cách sử dụng ngôn từ nhiều nghĩa đan chéo vào nhau như đã nói ở trên. Đó là câu thơ có thể gợi lên những hình ảnh trong chập chờn khói sương của ký ức. “Sương trắng” hay là “trắng mắt buồn” - có lẽ người đọc cũng không cần phải mất công đi tìm cái nghĩa thực của nó mà chỉ cần cảm nhận một tâm trạng mong đợi buồn bã, thế là đủ. Câu thơ tiếp theo cũng vậy, con sóng nhấp nhô trên mặt nước đã được nhân hóa để trở thành con sóng “phấp phồng những chờ mong”.

Và còn rất nhiều ví dụ khác nữa, chẳng hạn những hình ảnh được nhân hóa trong đoạn thơ sau đây:

*Ngọn muống biển tìm gì trên cát bỏng?
Ghềnh đá nào gió réo gọi tên em
Anh lặng lẽ đi tìm chiều biển cũ
Biển hờn ai mà sóng cứ triền miên?*
(Chiều biển cũ).

Trong đoạn thơ này, hàng loạt hình ảnh (ngọn cây muống biển, ghềnh đá, biển) được nhân hóa đã cho thấy một tâm trạng cô đơn của một kẻ đang lẩn giở lại quá khứ, muốn được *gặp lại cơn gió nào thuở trước/ Thổi bóng bênh trên mái tóc em*. Một mong ước thật vô lý nhưng cảm xúc và tâm trạng thì lại rất chân thật.

Cũng cần phải nói thêm rằng nhân hóa là một trong những biện pháp tu từ được sử dụng thường xuyên trong tập thơ “Trăng còn một nửa”. Chẳng hạn:

*Có một mùa Thu nắng cũng bạc màu
Ngọn gió thả hoa vàng về với cỏ*
(Có một mùa Thu)

Còn đây nữa, những câu thơ rất ấn tượng với ngôn từ được tổ chức khác thường trong bài “Nhớ mùa Hạ ấy”:

*Gió thổi, mây bay trên dòng thơ cũ
Bài hát đã già qua tháng năm trôi
Thương thương quá mùa Hạ mười tám tuổi
Mắt em xanh ngày ấy ở đâu rồi!*

Lấy cảnh tả tình là thủ pháp rất quen thuộc trong thi ca Việt. Nhiều bài thơ trong tập thơ “Trăng còn một nửa” cũng sử dụng thủ pháp này nhưng theo cách riêng của Đức Dũng. Có thể lấy ví dụ bằng một bài thơ nhỏ trong “Chùm thơ mùa Hạ” với những hình ảnh thật ám ảnh: *Gió tàn úa, mây vàng, chiều mất đỏ/ Anh lang thang tìm lại trái tim mình*. Chỉ trong hai câu thơ nhưng có những điều tưởng như vô lý liên tục xuất hiện: “gió tàn úa”, “chiều mất đỏ”, “tìm lại trái tim mình”... Trong cái khung cảnh buồn bã đầy màu sắc (và là những màu nóng) ấy, người đọc có thể cảm nhận rất rõ sự sống dậy, bùng sáng đến nhức nhối từ những kỷ niệm của một người đã từng có một tình yêu thực sự cháy bỏng.

Cách tổ chức, sử dụng những hình ảnh đầy ấn tượng bằng những từ ngữ khác thường, tuy bình dị nhưng được chọn lọc rất tinh tế không phải là điều hiếm gặp trong tập thơ này.

*Có một mùa Thu ngơ ngác vàng trắng
Nắng của ngày xưa nay ấm về xứ khác
Gió của ngày xưa thổi về rất mặt
Hoàng hôn tím tái cung đàn...*

(Có một mùa Thu)

Khi em đã đi rồi, sẽ chẳng còn lại gì, ngoài những kỷ niệm khắc khoải không thể nào nguôi quên:

*Em đi rồi, bỏ lại mùa Hạ trắng
Bỏ lại dòng sông đầy ắp tiếng ve
Bỏ lại triền đê tím mùa thạch thảo
Bến cũ, dòng xưa, cô độc con đò.*

(Em đi rồi)

Một ví dụ khác lấy từ bài thơ “Tìm lại bằng lăng”:

*Có một người tìm nhạt tiếng đàn rơi
Trong sâu thẳm thời gian và nỗi nhớ
Em không đến, phố chiều lặng lẽ
Bằng lăng ơi hoa tím ở đâu rồi?*

Một câu hỏi dành cho cây bằng lăng và cũng là câu hỏi cho chính mình.

Trong bài thơ “Trăng héo”, chúng ta gặp một hình tượng độc đáo: nửa vầng trăng buồn được ví như một “trái héo” giữa trời khuya. Diễn tả tâm trạng chơi vơi vì thương nhớ, có lẽ không có hình ảnh nào sinh động hơn và ... buồn hơn hình ảnh của một vầng trăng “như trái héo”. Và vầng trăng héo ấy đã trở thành một biểu tượng về một mối tình đã trôi vào dĩ vãng. Trăng thì vẫn còn đấy, nhưng chỉ còn một nửa và cái điều ám ảnh nhất là nửa vầng trăng ấy buồn như “trái héo” vì người xưa đã ra đi trong một chiều mùa Đông:

*Chỉ còn lại chơi vơi nỗi nhớ
Mây lạc trời xưa, gió cũ chẳng về
Anh thức với vầng trăng mòn một nửa
Một nửa trăng buồn như trái héo giữa trời khuya!*

Là thế đấy, em đã ra đi trên con đường xa vắng nào đó, để lại cho nhà thơ nỗi buồn mênh mông sâu thẳm, với tâm trạng thật buồn, buồn bã đến mức vầng trăng trên cao kia cũng trở thành trái một “trái héo giữa trời khuya”. Và để diễn tả nỗi buồn của một người đi tìm lại hình bóng của một tình yêu xưa cũ, nhưng chỉ còn lại những kỷ niệm u buồn, khó có cách diễn đạt nào ấn tượng hơn hai câu thơ kết của bài thơ này: *Con đò cũ lướt trên dòng trăng cũ/ Nghe gió buồn lặng lẽ khép vào đêm!*

Có thể nói việc tổ chức, sử dụng ngôn từ một cách bình dị nhưng ẩn sâu trong đó là những cảm xúc mãnh liệt, từ đó tạo ra những hình tượng thẩm mỹ có thể tác động mạnh mẽ đến người đọc là một thế mạnh của Đức Dũng và anh đã sử dụng thế mạnh ấy rất thành công trong nhiều bài thơ của mình, ví dụ như hai câu thơ sau đây:

*Sóng cứ nói những lời vô nghĩa thế
Biển còn gì khi biển chẳng còn em?
(Hát bên biển cũ)*

Và cơn sóng tình yêu vẫn vỗ vào bất tận, nhắc lại nỗi nhớ không thể nào nguôi ngoai của cái thừa mà cả hai còn sánh bước bên nhau :

*Bài hát thuở nào em có còn giữ không?
Anh trở lại biển xưa trào sóng nhớ
Chỉ gặp lại nhọc nhằn cơn gió cũ
Nhắc một thời yêu hai đứa cùng yêu”
(Một thời yêu)*

Trong bài bài thơ “Thương những ngày xưa”, ở bốn câu thơ kết, với 5 lần xuất hiện, điệp từ “thương” đã gợi lên được rất nhiều cảm xúc, tạo ra nhịp điệu và tăng tính biểu cảm:

*Thương gió cũ thổi từ miền em cũ
Thương những loài hoa cứ nở theo mùa
Thương những dòng sông, con đò, bến đợi
Bỗng thấy thương mình
và thương những ngày xưa”*

Biện pháp tu từ này cũng được sử dụng một cách đầy ấn tượng khi tác giả dùng điệp từ “trả lại” ở cả bốn câu thơ trong khổ thơ đầu của bài thơ “Thức với dòng sông” và còn được sử dụng trong hàng chục bài thơ khác nữa.

Vần điệu cũng là điều rất đáng nói đến trong ngôn ngữ thơ Đức Dũng. Vần điệu được anh sử dụng như một lợi thế của một người “giàu có” về ngôn từ, chữ nghĩa. Có thể lấy ví dụ bằng những câu thơ sau đây:

*Chào hé những mùa Thu duyên nợ
Anh về, đôi vắng, trắng hoa lau
Ở cuối con đường mưa đã đợi
Độc hành - câu hát sẽ về đâu?
(Hồi tưởng những mùa Thu)*

“Anh về. đôi vắng, trắng hoa lau” là một câu thơ mà vần điệu đã gợi nên được nhịp điệu trong hình ảnh của một kẻ cô đơn đang độc hành trên con đường gập ghềnh. Khi anh trở về, người cũ đâu còn nữa, chỉ còn “đôi vắng trắng hoa lau” và một cơn mưa đang rình rập nơi cuối trời. Màu trắng hoa lau gợi nên một khung cảnh buồn bã, hoang dã khiến cho lòng người quặn thắt trong nỗi nhung nhớ vô bờ...

Trong một bài thơ khác, bài “Mùa cho ước mơ”, ngay từ bốn câu thơ đầu tiên, cách tổ chức “bức tranh ngôn ngữ” đã tạo ra một nhịp điệu đầy sức sống khi con người và thiên nhiên như đã hòa vào với nhau:

*Nắng cứ bừng lên hào phóng
Mùa cho cây cỏ sinh sôi
Mây trắng, nắng vàng độ lượng
Cánh chim vẫy bạn lưng trời*

Câu thơ: “Mây trắng, nắng vàng độ lượng” ngoài thủ pháp nhân hóa, vần điệu “mây trắng, nắng vàng” đã gợi lên một khung cảnh đầy sức sống của thiên nhiên. Cũng phải nói thêm rằng đây là một trong số không nhiều bài thơ của tập thơ này không nói về nỗi buồn, về những kỷ niệm của ngày xưa. Khác với hầu hết các bài thơ trong tập thơ này là sự hoài niệm về những gì đã qua, “Mùa cho ước mơ” diễn tả niềm vui chân thành của con người trong một thiên nhiên tràn đầy sức sống.

Để kết thúc bài viết này, xin được dẫn ra đây một trong những bài thơ đã để lại những ấn tượng mạnh mẽ với tôi. Tôi cho rằng đây cũng là một trong những bài thơ tiêu biểu của tập thơ này, dù nó buồn, thật buồn vì viết cho một người đã mãi mãi ra đi, đã về “cõi khác”. Bài thơ tiêu biểu vì ở đây có nhân hóa, có điệp ngữ, điệp cấu trúc để tạo nên một bức tranh ngôn ngữ đầy âm ảnh; tiêu biểu vì có những hình ảnh đại diện cho nhiều bài thơ trong tập thơ như: mùa Hạ, dòng sông, bến phà, tiếng đàn và nỗi buồn vơi vợi của sự chia ly... Đó là bài thơ “Thức với dòng sông” với lời đề tặng: “*Gửi V.A.*” mà tôi xin được ghi lại nguyên văn ở đây:

*Xin trả lại gió cho mùa Hạ ấy
Trả đam mê cho con nước dỗi hờn
Trả tiếng đàn cho những chiều hò hẹn
Trả lại bài thơ cho lặng lẽ hoàng hôn...*

*Dẫu biết bây giờ em đã về cõi khác
Vẫn còn thương dáng nhỏ đợi bên cầu
Hạ Giang cuộn con sóng chiều nhớ bạn
Áo trắng năm nào nay đã nơi đâu?*

*Gòn gợn gió trên bến phà ngày ấy
Bìm bịp gọi nhau khắc khoải cuối dòng sông
Cần Thơ héo một nụ cười già biệt
Nước mắt khô đi,
thương nhớ quặn trong lòng!*

*Heo hắt nắng nghĩa địa chiều lặng lẽ
Em vẫn cười trong di ảnh ngày xưa
Bình yên cỏ phủ đầy trên nấm mộ
Mây xám về bất chợt một cơn mưa...*

*Bến cũ, phà xưa chẳng còn ai ngóng đợi
Những mùa đi nước lớn, nước ròng
Con sóng vẫn còn cào thương nhớ
Có phải em về thức với dòng sông?*

Thơ của Đức Dũng nặng về hoài niệm. Những hoài niệm của một thời trai trẻ mà anh đã sống và học tập, làm việc và yêu... Những hoài niệm ấy sẽ đi mãi cùng Đức Dũng trên con đường sáng tạo của riêng anh.

Và đó mới chính là thơ, là con người Đức Dũng.

Tháng 7/2025

Đ.N.L.